TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùy

2. Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2021, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2021.

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Bắc Y, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lại T N, sinh năm 1989 ; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Đắk R'Lấp tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 và bà Lại Thị H1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 01, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Ông Lưu Xuân D, sinh năm 1975 và bà Lại Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Ông Dương Đức H, sinh năm 1974 và bà Lại Thị H2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chị Trương Bắc Y trình bày: Chị Trương Bắc Y và anh Lại Thanh N kết hôn năm 2010 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đăk Nông, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Trong thời gian chung sống chị và anh N sống được hạnh phúc thời gian đầu, sau này thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn được, anh N thỉnh thoảng đánh chị, chị đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 8/2018. Nay chị làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp được ly hôn với anh Nam

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là: Lại Thị Mỹ D, sinh ngày 04/10/2011; Lại Thị Ngọc T, sinh ngày 24/11/2014; Lại Thị Ngọc N, sinh ngày 24/11/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng được nuôi 03 con chung vì các cháu còn nhỏ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chúng tôi không có nợ ai

Bị đơn anh Lại Thanh N trình bày: Anh và cô Y có đăng ký tại UBND xã B, quá trình chung sống có thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm về làm ăn, tôi có đánh chị Y một lần nhưng đã lâu rồi, Hiện nay tôi đang ở nhà làm rẫy, thu nhập trung bình năm được 150.000.000đồng/năm; Tôi có nhà ở thôn A, còn rẫy là làm hợp đồng thuê khoán chăm sóc rẫy lấy sản lượng. Anh và chị Y có 03 con chung, Lại Thị Mỹ D, sinh ngày 04/10/2011; Lại Thị Ngọc T, sinh ngày 24-11-2014; Lại Thị Ngọc N, sinh ngày 24-11-2014. Nếu ly hôn anh xin được nuôi 03 con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung không có, Nợ chung tôi sẽ cung cấp danh sách nợ cho Tòa án sau.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Nguyễn Văn H, và bà Lại Thị H1 có cho anh N, chị Y vay 600.000.000đồng; Ông Lưu Xuân D, bà Lại Thị T có cho anh N, chị Y vay 200.000.000đồng; Ông Dương Đức H, bà Lại Thị H2 có cho anh N, chị Y vay 70.000.000đồng. Tại phiên tòa ông H, bà H1, ông D, bà T, ông H, bà H2 thống nhất đối với khoản vay của anh N, chị Y sẽ yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác đối với anh N, chị Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Bắc Y được ly hôn với anh Lại Thanh N.

Về con chung: Giao con chung là Lại Thị Mỹ D, sinh ngày 04/10/2011 cho anh Nam; Giao Lại Thị Ngọc T, sinh ngày 24-11-2014; Lại Thị Ngọc N, sinh ngày 24-11-2014 cho Chị Trương Bắc Y

Anh N, chị Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trường thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y, anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tại phiên tòa anh N mới yêu cầu chia nợ chung và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác đối với anh Nam, chị Y. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu giải quyết nợ chung trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Chị Trương Bắc Y có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp giải quyết việc ly hôn và con chung với anh Lại Thanh N. Bị đơn là Lại Thanh N có địa chỉ tại xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp và quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Bắc Y và anh Lại Thanh N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về sống chung vợ chồng không hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân được một thời gian, từ năm 2018 cho đến nay chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh N cũng cho rằng vợ chồng mâu thuẫn, anh cũng có đánh chị. Điều này chứng tỏ mục đích hôn nhân giữa anh N và chị Y đã không đạt được, cuộc hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài.

Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 17 và Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Đối chiếu với quy định trên thì việc chung sống giữa Chị Trương Bắc Y và anh Lại Thanh N không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trương Bắc Y đối với anh Lại Thanh N.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung: Lại Thị Mỹ D, sinh ngày 04/10/2011; Lại Thị Ngọc T, sinh ngày 24/11/2014; Lại Thị Ngọc N, sinh ngày 24/11/2014.

Nguyện vọng của chị Y, anh N đều muốn nuôi cả 03 con. Tuy nhiên để đảm bảo các con phát triển ổn định và đủ điều kiện chăm sóc giáo dục. Hội đồng xét xử cần giao Lại Thị Mỹ D, sinh ngày 04/10/2011 cho anh Lại Thanh N. Giao Lại Thị Ngọc T, sinh ngày 24/11/2014; Lại Thị Ngọc N, sinh ngày 24/11/2014 cho chị Trương Bắc Y.

Chị Trương Bắc Y và anh Lại T N chăm sóc, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Bắc Y và anh Lại Thanh N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Các bên xác nhận nhông có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Anh Lại Thanh N có trình bày có nợ chung nhưng trong quá trình giải quyết không có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết, đến thời điểm xét xử mới có đơn đề nghị giải quyết nợ chung. Bên cạnh đó, tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, và bà Lại Thị H1, ông Lưu Xuân D, bà Lại Thị T, ông Dương Đức H, bà Lại Thị H2 thống nhất đối với khoản vay của anh N, chị Y sẽ yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác đối với anh N, chị Y. Căn cứ theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật dân sự không chấp nhận đối với yêu cầu của anh Lại Thanh N về việc trả nợ chung trong vụ án này. Đối với yêu cầu của anh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7]. Về án phí: Chị Trương Bắc Y là nguyên đơn phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 200; Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Bắc Y đối với anh Lại T N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Bắc Y được ly hôn với anh Lại T N.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Lại Thị Mỹ D, sinh ngày 04/10/2011 cho anh Lại Thanh N. Giao Lại Thị Ngọc T, sinh ngày 24/11/2014; Lại Thị Ngọc N, sinh ngày 24/11/2014 cho Chị Trương Bắc Y.

Chị Trương Bắc Y và anh Lại Thanh N chăm sóc, giáo dục các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

1.3. Về cấp dưỡng: Chị Trương Bắc Y và anh Lại Thanh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Anh Lại Thanh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, và bà Lại Thị H1, ông Lưu Xuân D, bà Lại Thị T, ông Dương Đức H, Lại Thị H2 có quyền yêu cầu giải quyết các khoản vay bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

2. Về tài sản chung: Về tài sản chung không có nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trương Bắc Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004660 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh